

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T; ĐKKHKT: Tổ 7 T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; cư trú tại: Xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tiến Đ; ĐKKHKT: Tổ 7, T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; cư trú tại: Xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Tiến Đ do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 7 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tổ 7, Tây Sơn, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, Hải Phòng đến năm 2010 thì chuyển về sống tại xóm M, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ

chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Trương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Tiến Đ.

Về con chung: Chị và anh Phạm Tiến Đ có 02 con chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2014. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Tiến Đ trình bày:

Anh xác định về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng như chị Trương Thị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được do có những bất đồng trong tính cách, quan điểm. Từ tháng 5 năm 2020, anh phát hiện chị Trương Thị T không chung thủy, có quan hệ tình cảm bên ngoài nên tình cảm vợ chồng càng xa cách, lạnh nhạt. Anh Phạm Tiến Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng giữa anh và chị Trương Thị T còn vấn đề tài sản chưa thỏa thuận được nên anh không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, anh Phạm Tiến Đ thay đổi quan điểm đồng ý ly hôn với chị Trương Thị T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị Trương Thị T có 02 con chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2014. Nếu anh và chị Trương Thị T ly hôn, để các con chung không bị chia rẽ tình cảm, anh đồng ý giao hai con chung cho chị Thoa nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2014 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng mỗi con chung đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản

chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trương Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Tiến Đ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Tiến Đ hiện đang cư trú tại xóm M, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2008, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự; các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ đã rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài. Nên việc chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ có 02 con chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2014. Chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ đều thống nhất giao các con chung cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét quan điểm của chị Thoa và anh Đạt là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung Phạm Hoàng L, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2014 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Trương Thị T và anh Phạm Tiến Đ tạm thời không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm đề sung vào Ngân sách Nhà nước, chị Thoa đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0012855 ngày 28 tháng 10 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Văn Tuấn

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Tân Tiến;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi

Ngô Văn Miên

Trương Minh Huế

